

Số:933 /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 01 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 68/TTr-SYT ngày 23/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 2 (t/h);
- Bộ Y tế (B/c);
- CT, PCT UBND tỉnh (Ô. Hưng);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các đơn vị tại mục V Kế hoạch;
- PCVP (Ô. Nguyên);
- Lưu: VT, VXNV (V).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Duy Hưng

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn,
giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045**

*(Kèm theo Quyết định số: 933 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 5 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011- 2030;
- Chỉ thị số 46/CT-TTg ngày 21/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác dinh dưỡng trong tình hình mới;
- Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;
- Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam;
- Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam”;
- Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025;
- Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045;
- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;
- Quyết định số 5556/QĐ-BYT ngày 04/12/2021 của Bộ Y tế về việc phê duyệt kế hoạch hành động phòng, chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 5924/QĐ-BYT ngày 29/12/2021 của Bộ Y tế về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình Sức khỏe Việt Nam giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu

đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2030;

- Kế hoạch số 512/KH-UBND ngày 03/9/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện chương trình hành động quốc gia “Không còn nạn đói” trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện dinh dưỡng hợp lý để cải thiện tình trạng dinh dưỡng phù hợp với từng đối tượng, địa phương, dân tộc, góp phần giảm thiểu gánh nặng bệnh tật, nâng cao tầm vóc, thể lực và trí tuệ của người Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu 1: Về thực hiện chế độ ăn đa dạng, hợp lý và an ninh thực phẩm cho mọi lứa tuổi, mọi đối tượng theo vòng đời

- Tỷ lệ trẻ 6-23 tháng có chế độ ăn đúng, đủ đạt 60% vào năm 2025 và đạt 70% vào năm 2030.

- Tỷ lệ người trưởng thành tiêu thụ đủ số lượng rau quả hàng ngày đạt 45% vào năm 2025 và đạt 60% vào năm 2030.

- Tỷ lệ hộ gia đình thiếu an ninh thực phẩm mức độ nặng và vừa giảm dưới 25% vào năm 2025 và dưới 20% vào năm 2030.

- Tỷ lệ các trường học có tổ chức bữa ăn học đường xây dựng thực đơn đáp ứng nhu cầu theo khuyến nghị của Bộ Y tế về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và đa dạng thực phẩm đạt 40% vào năm 2025 và đạt 70% vào năm 2030.

- Tỷ lệ bệnh viện tổ chức thực hiện các hoạt động khám, tư vấn và điều trị bằng chế độ dinh dưỡng phù hợp với tình trạng dinh dưỡng, bệnh lý cho người bệnh đạt 80% đối với bệnh viện tuyến tỉnh, 60% đối với các bệnh viện tuyến huyện vào năm 2025 và phấn đấu đạt 90% đối với tuyến tỉnh, 70% đối với tuyến huyện vào năm 2030.

- Tỷ lệ xã có triển khai tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai, bà mẹ có con nhỏ dưới 2 tuổi trong gói dịch vụ y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe do Trạm Y tế xã, phường, thị trấn thực hiện đạt 50% vào năm 2025 và đạt 75% vào năm 2030.

2.2. Mục tiêu 2: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em và thanh thiếu niên

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống còn 26,2% vào năm 2025 và dưới 25% vào năm 2030.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống còn 16% vào năm 2025 và dưới 15,5% vào năm 2030.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể gầy còm trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống dưới 5% vào năm 2025 và dưới 4% vào năm 2030.

- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ sớm sau khi sinh đạt 70% vào năm 2025 và đạt 80% vào năm 2030.

- Tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng tuổi được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ đạt 50% vào năm 2025 và đạt 60% vào năm 2030.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 16 tuổi tại các huyện nghèo xuống dưới 34% vào năm 2025.

- Đến năm 2030, chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi theo giới tăng từ 2 - 2,5 cm đối với nam và 1,5 - 2 cm đối với nữ so với năm 2020.

2.3. Mục tiêu 3: Kiểm soát tình trạng thừa cân béo phì, dự phòng các bệnh mạn tính không lây, các yếu tố nguy cơ có liên quan ở trẻ em, thanh niên và người trưởng thành

- Tỷ lệ thừa cân béo phì được kiểm soát: trẻ em dưới 5 tuổi ở mức dưới 10% (khu vực thành thị ở mức dưới 11% và khu vực nông thôn ở mức dưới 7%); trẻ 5 - 18 tuổi ở mức dưới 19% (khu vực thành thị ở mức dưới 27% và khu vực nông thôn ở mức dưới 13%); người trưởng thành 19 - 64 tuổi ở mức dưới 20% (khu vực thành thị ở mức dưới 23% và khu vực nông thôn ở mức dưới 17%) vào năm 2025 và duy trì ở mức đó đến năm 2030.

- Lượng muối tiêu thụ trung bình của dân số (15 - 49 tuổi) giảm xuống dưới 8 gam/ngày vào năm 2025 và dưới 7 gam/ngày vào năm 2030.

2.4. Mục tiêu 4: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em và phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ

- Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai giảm xuống dưới 30% vào năm 2025 và dưới 25% vào năm 2030.

- Tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em nữ 10-14 tuổi giảm xuống dưới 10% vào năm 2025 và dưới 9% vào năm 2030.

- Tỷ lệ thiếu Vitamin A tiền lâm sàng ở trẻ em 6 - 59 tháng tuổi giảm xuống dưới 13% vào năm 2025 và dưới 12% vào năm 2030.

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối I-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh hoặc gia vị mặn có I-ốt hàng ngày đạt trên 80% vào năm 2025 và trên 90% vào năm 2030.

2.5. Mục tiêu 5: Về nâng cao khả năng ứng phó dinh dưỡng trong mọi tình huống khẩn cấp và tăng cường nguồn lực thực hiện

- Đến năm 2025, 100% các huyện, thành phố có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có kế hoạch ứng phó, tổ chức đánh giá, triển khai can thiệp dinh dưỡng đặc hiệu trong tình huống khẩn cấp và duy trì đến năm 2030.

- Đến năm 2025, tỉnh và 100% các huyện, thành phố có phân bổ ngân sách địa phương hàng năm đảm bảo cho hoạt động dinh dưỡng theo kế hoạch được phê duyệt và duy trì đến năm 2030.

- Hàng năm, 100% cán bộ làm công tác dinh dưỡng tuyến huyện, thành phố và 90% chuyên trách dinh dưỡng tuyến xã, phường, thị trấn được tập huấn, cập nhật kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi, thừa cân, béo phì, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng hợp lý dự phòng các bệnh mạn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng.

- Hàng năm, 80% nhân viên y tế thôn bản được tập huấn, cập nhật kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng.

- Đến năm 2025, trên 90% bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh có cán bộ dinh dưỡng tiết chế được đào tạo, tập huấn và hoạt động dinh dưỡng theo Thông tư số 18/2020/TT-BYT ngày 12/11/2020 của Bộ Y tế quy định về hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Mọi người dân đạt được tình trạng dinh dưỡng tối ưu, kiểm soát các bệnh không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng nhằm góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống.

III. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách, chỉ đạo, điều hành

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp và sự phối hợp đồng bộ của các sở, ban, ngành, đoàn thể để tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

- Kiện toàn Ban chỉ đạo Chăm sóc sức khỏe nhân dân các cấp, hoàn thiện cơ chế hoạt động. Củng cố và đẩy mạnh phối hợp liên ngành và huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội, đoàn thể trong tổ chức thực hiện kế hoạch tại địa phương.

- Các Sở, ban, ngành, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện, đưa các chỉ tiêu về dinh dưỡng vào chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội và ưu tiên phân bổ kinh phí hàng năm để đạt được các mục tiêu theo kế hoạch.

- Đưa chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ dưới 5 tuổi vào Nghị quyết của các cấp chính quyền và là một trong các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tuân thủ, thực hiện nghiêm các chính sách, quy định về dinh dưỡng và thực phẩm, các quy định về sản xuất và kinh doanh thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng. Các chính sách ưu tiên và can thiệp dinh dưỡng cho vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là trẻ em dưới 5 tuổi và phụ nữ có thai.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu về dinh dưỡng, đảm bảo tính bền vững của các hoạt động can thiệp dinh dưỡng đã được triển khai.

2. Tăng cường công tác phối hợp liên ngành và vận động xã hội

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc triển khai công tác dinh dưỡng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và điều kiện thực tế của từng địa phương.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành và xã hội hóa để đẩy mạnh và tăng cường đầu tư cho các hoạt động dinh dưỡng tại địa phương. Chú trọng việc lồng ghép, phối hợp với các chương trình, dự án có liên quan đến dinh dưỡng tại địa phương. Phát huy vai trò chủ động của các sở, ban, ngành trong việc đưa nội dung dinh dưỡng vào kế hoạch hoạt động hàng năm. Lồng ghép các hoạt động dinh dưỡng vào chương trình hoạt động của các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan thông qua quy chế phối hợp liên ngành, đặc biệt giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong triển khai thực hiện kế hoạch.

- Huy động các tổ chức, cá nhân, cộng đồng tham gia thực hiện kế hoạch.

Khuyến khích các tổ chức xã hội, cộng đồng doanh nghiệp tham gia tài trợ cho các hoạt động dinh dưỡng. Có giải pháp huy động, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư, tổ chức cá nhân, doanh nghiệp vào công tác dinh dưỡng.

3. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục dinh dưỡng

- Tăng cường truyền thông vận động các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật, hướng dẫn, khuyến cáo về dinh dưỡng.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, các cấp lãnh đạo, các ngành, các nhà quản lý và toàn xã hội về tầm quan trọng của công tác dinh dưỡng.

- Tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông với các loại hình, phương thức, nội dung phù hợp với từng vùng, miền và từng nhóm đối tượng nhằm nâng cao hiểu biết, thực hành dinh dưỡng hợp lý đặc biệt là phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi, thiếu vi chất dinh dưỡng, kiểm soát thừa cân - béo phì và các bệnh mạn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng cho mọi tầng lớp nhân dân.

- Nâng cao hiệu quả truyền thông, giáo dục, tư vấn về thực hành dinh dưỡng hợp lý theo vòng đời. Chú trọng giáo dục về kỹ năng mềm, tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để hình thành lối sống, thói quen lành mạnh về dinh dưỡng hợp lý.

- Tăng cường thời lượng truyền thông, hướng dẫn về dinh dưỡng hợp lý trên các phương tiện thông tin đại chúng như Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn, Báo Bắc Kạn, hệ thống truyền thanh cơ sở, trang/cổng thông tin điện tử, mạng xã hội...

- Xây dựng tài liệu đào tạo, tập huấn liên quan đến chăm sóc dinh dưỡng, tư vấn dinh dưỡng; các hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật thực hành dinh dưỡng và tài liệu truyền thông giáo dục dinh dưỡng cộng đồng.

- Cung cấp các tài liệu truyền thông giáo dục dinh dưỡng, vật liệu truyền thông về dinh dưỡng như tháp dinh dưỡng, tờ rơi, tranh lật, băng rôn, khẩu hiệu, thông điệp tuyên truyền...

4. Tăng cường và nâng cao chất lượng nguồn lực

- Nâng cao năng lực quản lý điều hành các chương trình, hoạt động dinh dưỡng cho cán bộ các cấp từ tỉnh đến huyện, xã. Huy động sự tham gia của các cơ quan, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng để tăng cường nguồn lực.

- Củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng, đặc biệt là mạng lưới cán bộ chuyên trách dinh dưỡng và nhân viên y tế thôn bản ở tuyến cơ sở; chuẩn hóa cán bộ làm công tác dinh dưỡng lâm sàng.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn để củng cố và phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn về dinh dưỡng ở cả hai khối dự phòng và điều trị. Tăng cường đào tạo liên tục, đào tạo chuyên sâu cho cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở các tuyến với các hình thức phù hợp.

5. Tăng cường chuyên môn kỹ thuật triển khai can thiệp dinh dưỡng

5.1. Cải thiện chất lượng bữa ăn, đảm bảo an ninh thực phẩm và dinh dưỡng

- Phổ biến về nhu cầu khuyến nghị dinh dưỡng, tháp dinh dưỡng, lời khuyên dinh dưỡng hợp lý, thực đơn, khẩu phần, chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho mọi đối tượng.

- Tăng cường giáo dục, tư vấn cho người dân hiểu về nhãn thực phẩm, nhãn dinh dưỡng để tạo nhu cầu sử dụng thực phẩm đa dạng, lành mạnh, giàu dinh dưỡng.

- Xây dựng các kế hoạch, mô hình nông nghiệp dinh dưỡng, hướng dẫn bảo đảm an ninh thực phẩm và chất lượng bữa ăn tại hộ gia đình. Khuyến khích người dân thực hiện mô hình vườn - ao - chuồng, canh tác, sản xuất lương thực, rau củ quả sạch phục vụ nhu cầu thực phẩm thiết yếu của hộ gia đình. Phát triển nhiều loại hình chăn nuôi (tập trung, hộ gia đình) gia súc, gia cầm, thủy sản và các cây nông nghiệp khác.

5.2. Tăng độ bao phủ và nâng cao chất lượng các can thiệp dinh dưỡng thiết yếu

- Tập trung triển khai hiệu quả các chương trình, dự án và mô hình can thiệp dinh dưỡng thiết yếu như: chương trình chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời (chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý và tiếp tục bú mẹ cho trẻ em từ 6 đến 23 tháng); theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ em; quản lý và điều trị cho trẻ em bị suy dinh dưỡng cấp tính; phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em; bảo đảm nước sạch, vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường.

- Triển khai cung ứng các dịch vụ tư vấn, phục hồi dinh dưỡng, mô hình can thiệp phòng chống thừa cân - béo phì, dự phòng các bệnh mạn tính không lây và các yếu tố nguy cơ có liên quan tại các tuyến. Triển khai can thiệp dinh dưỡng cho người cao tuổi, dinh dưỡng ngành nghề.

- Tăng cường hệ thống thực phẩm tại chỗ an toàn, đa dạng, giàu dinh dưỡng và bền vững đáp ứng nhu cầu cho mọi đối tượng tại khu vực bị thiên tai, dịch bệnh.

- Khuyến khích người dân sử dụng sản phẩm thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng như muối được tăng cường Iốt, dầu ăn được tăng cường vitamin A, bột mì được tăng cường sắt, kẽm...

- Lồng ghép các dịch vụ dinh dưỡng với các chương trình khác như y tế, giáo dục, phát triển kinh tế xã hội vùng miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số, nông thôn mới, giảm nghèo, bảo trợ xã hội để bảo đảm tăng nguồn lực đầu tư cho mọi đối tượng cần can thiệp.

5.3. Thực hiện hoạt động dinh dưỡng học đường tại trường học

- Nâng cao chất lượng giáo dục dinh dưỡng học đường, giáo dục thể chất và hoạt động thể thao, lồng ghép trong các giờ học chính khóa, hoạt động ngoại khóa và xây dựng các mô hình truyền thông phù hợp.

- Truyền thông cho cha mẹ học sinh về dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm có lợi và an toàn cho sức khỏe phòng, chống bệnh không lây nhiễm, tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh. Đặc biệt quan tâm đến dinh dưỡng hợp lý cho lứa tuổi tiền dậy thì và dậy thì.

- Tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và bảo

đa dạng thực phẩm (đối với các trường học có tổ chức bữa ăn học đường); có quy định nhằm hạn chế học sinh tiếp cận với các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe.

- Xây dựng cơ chế phối hợp, liên kết giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em, học sinh; thông tin cho phụ huynh về tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, học sinh trong trường học.

- Tiến hành kiểm tra, giám sát định kỳ các trường học bán trú, nội trú về xây dựng bữa ăn học đường đảm bảo theo quy định.

- Duy trì tẩy giun, sán định kỳ tại những vùng có tỷ lệ nhiễm giun, sán cao.

5.4. Thực hiện hoạt động dinh dưỡng tại bệnh viện

- Triển khai các hướng dẫn chuyên môn về dinh dưỡng điều trị, dinh dưỡng lâm sàng, tiết chế tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

- Thực hiện truyền thông, tư vấn dinh dưỡng cho bệnh nhân, người nhà bệnh nhân tại cơ sở khám chữa bệnh.

- Triển khai các quy định về dinh dưỡng trong bệnh viện.

5.5. Triển khai hoạt động dinh dưỡng khẩn cấp

- Xây dựng hợp phần bảo đảm dinh dưỡng vào trong Kế hoạch ứng phó với thiên tai thảm họa, dịch bệnh của tỉnh và các địa phương.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực ứng phó dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho cán bộ các cấp và các cơ quan, ban, ngành liên quan.

- Thực hiện có hiệu quả các hoạt động dinh dưỡng khẩn cấp ở cả cộng đồng và trong bệnh viện tại các địa phương bị ảnh hưởng biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh.

6. Giải pháp về khoa học công nghệ và ứng dụng công nghệ thông tin

- Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ công tác dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh, xây dựng, triển khai các đề tài nghiên cứu về xây dựng mô hình can thiệp dinh dưỡng để phòng chống một số bệnh không lây nhiễm.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, giám sát, tư vấn, thống kê, báo cáo về công tác dinh dưỡng.

7. Theo dõi, giám sát và đánh giá

- Nâng cao năng lực của hệ thống giám sát dinh dưỡng, hoàn thiện bộ công cụ và các chỉ số giám sát, cung cấp thông tin phục vụ xây dựng và triển khai kế hoạch này; tăng cường năng lực giám sát trong tình huống khẩn cấp.

- Thực hiện theo dõi, giám sát thường quy và tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát định kỳ nhằm đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện của kế hoạch.

IV. KINH PHÍ

1. Nguồn ngân sách Nhà nước tại địa phương.

2. Nguồn do quỹ bảo hiểm y tế chi trả.

3. Huy động cộng đồng, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

4. Nguồn xã hội hóa, các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Hàng năm, kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện kế hoạch này và các chương trình, đề án, dự án liên quan khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thành phố được giao nhiệm vụ trong kế hoạch chủ động cân đối kinh phí trong dự toán được giao hàng năm để thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này đảm bảo hiệu quả, đạt mục tiêu đề ra; chủ động báo cáo, tham mưu cho UBND tỉnh theo thẩm quyền. Hàng năm, xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, tổng hợp và đề xuất kinh phí hoạt động trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Dự án 7: *“Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em”* thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Chỉ đạo Trung tâm Y tế tham mưu cho UBND huyện, thành phố xây dựng kế hoạch hàng năm và bố trí kinh phí thực hiện tại địa phương; triển khai các quy định về hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện; phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể tại địa phương triển khai thực hiện kế hoạch.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá các nội dung của kế hoạch trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức sơ kết, đánh giá giai đoạn kết quả thực hiện kế hoạch; định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện gửi UBND tỉnh và Bộ Y tế theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính căn cứ khả năng cân đối nguồn ngân sách trong kế hoạch hàng năm của tỉnh tham mưu bố trí kinh phí đầu tư thực hiện kế hoạch này.

- Tham mưu đưa các chỉ tiêu về dinh dưỡng vào các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Vận động, huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, khuyến khích các tổ chức, các nhân đầu tư cho các hoạt động dinh dưỡng.

3. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng ngân sách, tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương hàng năm để thực hiện kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp hướng dẫn và giám sát việc sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì triển khai bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm hộ gia đình đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng.

- Triển khai thực hiện các chính sách nhằm khuyến khích, hướng dẫn sản xuất thực phẩm an toàn, dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe; hướng dẫn các địa phương phát triển sản xuất nhằm đảm bảo nhu cầu lương thực của địa phương.

- Lồng ghép hoạt động ứng phó dinh dưỡng trong kế hoạch chuẩn bị, sẵn sàng ứng phó với thiên tai để sẵn sàng cung cấp thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng cho những khu vực dễ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, thiên tai.

- Lồng ghép thực hiện mục tiêu về dinh dưỡng trong Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tổ chức triển khai thực hiện, giám sát các hoạt động về dinh dưỡng hợp lý trong trường học, bữa ăn học đường, an toàn thực phẩm, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của học sinh, quản lý căng tin trường học, tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh.

- Chỉ đạo, đẩy mạnh triển khai các hoạt động liên quan đến dinh dưỡng hợp lý cho học sinh trong Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Đề án bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản giai đoạn 2018 - 2025 theo Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo thực hiện truyền thông, giáo dục dinh dưỡng, tăng cường hoạt động giáo dục thể chất và thể thao trong trường học; tăng cường phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong các hoạt động truyền thông giáo dục dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho trẻ em, học sinh để nâng cao sức khỏe, dự phòng các bệnh không lây nhiễm.

- Chú trọng công tác bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên y tế học đường các kiến thức về dinh dưỡng hợp lý, đánh giá tình trạng dinh dưỡng và tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chỉ đạo tăng cường thực hiện các chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật, gắn liền với mục tiêu về đảm bảo dinh dưỡng.

- Tăng cường lồng ghép triển khai các hoạt động cải thiện dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em từ Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và trong các chương trình, đề án liên quan.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và chỉ đạo việc thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ, lao động nữ đang mang thai, đang nuôi con nhỏ, lao động tại các khu công nghiệp, người lao động làm các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

7. Ban Dân tộc tỉnh

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện dinh dưỡng hợp lý, từ bỏ các hủ tục tập quán lạc hậu để thực hiện các hoạt động dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe, lồng ghép tuyên truyền trong việc thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc.

- Phối hợp với Sở Y tế theo dõi, giám sát và đánh giá thực hiện các hoạt động dinh dưỡng trong các chương trình, đề án, dự án cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan báo chí, công thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về dinh dưỡng bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng phù hợp với các đối tượng trên địa bàn; ưu tiên hệ thống thông tin truyền thông tới các xã vùng sâu, xa, vùng khó khăn.

- Kiểm soát tốt việc quảng cáo về dinh dưỡng và thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng dưới các hình thức.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch lồng ghép với “Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030” trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo lồng ghép hoạt động vận động thể lực và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý với phong trào quần chúng và hoạt động thể thao, văn hóa tại cộng đồng; tăng cường tuyên truyền về lợi ích của hoạt động thể dục thể thao quần chúng đối với sức khỏe.

10. Sở Công Thương

Tăng cường công tác quản lý về sản xuất, kinh doanh các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe thuộc lĩnh vực quản lý; xúc tiến thương mại đối với các loại sản phẩm là thực phẩm tăng cường bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm lành mạnh được sản xuất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

11. Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn, Báo Bắc Kạn

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thường xuyên các kiến thức về dinh dưỡng, các hoạt động của kế hoạch trên địa bàn tỉnh. Xây dựng các chuyên mục, chuyên đề, phóng sự truyền hình về dinh dưỡng hợp lý. Nâng cao chất lượng tin, bài tuyên truyền về dinh dưỡng, tăng thời lượng phát sóng, tăng số lượng tin, bài trên các chuyên trang, chuyên mục...

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức hội, đoàn thể tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với chặt chẽ với ngành y tế trong công tác tuyên truyền, vận động tăng cường sự ủng hộ về chính sách và nguồn lực của tỉnh cho công tác dinh dưỡng; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về dinh dưỡng hợp lý đến các tầng lớp nhân dân; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, đề xuất chính sách nhằm bảo đảm việc thực hiện các hoạt động dinh dưỡng đạt hiệu quả.

- Đề nghị Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh phối hợp với ngành y tế đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sức khỏe và dinh dưỡng hợp lý, chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời cho các hội viên và các bà mẹ; triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho hội viên, vận động cộng đồng cùng tham gia thực hiện góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em.

- Đề nghị Tỉnh đoàn phối hợp lồng ghép công tác vận động, tuyên truyền giáo dục dinh dưỡng, phổ biến kiến thức về dinh dưỡng hợp lý, kiểm soát thừa cân - béo phì và các bệnh mạn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng cho các đoàn viên, thanh niên góp phần triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Căn cứ kế hoạch của Ủy ban nhân tỉnh và tình hình thực tế tại địa phương xây dựng kế hoạch với các giải pháp cụ thể, tổ chức triển khai thực hiện; đưa các chỉ tiêu về dinh dưỡng vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương; bố trí ngân sách địa phương kết hợp với hỗ trợ của trung ương, của tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác để tập trung thực hiện các mục tiêu của kế hoạch.

- Chỉ đạo các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và UBND các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch, thực hiện các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu về dinh dưỡng tại địa phương.

- Chủ động, tích cực huy động các nguồn lực của địa phương và lồng ghép các hoạt động dinh dưỡng vào các chương trình, đề án khác có liên quan trên địa bàn để thực hiện.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tại địa phương; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Y tế) trước ngày 15/11 hàng năm./.